

Số: 208/2021/QĐST-HNGĐ

Lục Nam, ngày 26 tháng 10 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2021, giữa:

- Chị Hoàng Khánh V, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hoàng Khánh V: Bà Giáp Thị H-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang.

- Anh Trương Đình M, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Trương Đình M: Ông Đồng Duy C-Luật sư, thuộc văn phòng Luật sư Đồng tâm và cộng sự.

Địa chỉ: Số 296 đường X 4, phường K, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2021

XÉT THẤY:

Việc thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về tài sản chung:

- Giao cho chị Hoàng Khánh V quản lý, sử dụng các thửa đất, gồm:

+ Diện tích 2430m² đất trồng rừng sản xuất, thửa số 32, tờ bản đồ 01; địa chỉ thửa đất: Khoảnh 16, tiểu khu 93, thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH04815/Số: 909/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2011.

+ Diện tích 2250m² đất trồng rừng sản xuất, thửa số 22, tờ bản đồ 01; địa chỉ thửa đất: Khoảnh 16, tiểu khu 93, thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CH04814/Số: 909/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2011. Chị Hoàng Khánh V được sở hữu toàn bộ các tài sản cây cối, hoa màu trên đất.

+ Diện tích là 285,6m², trong đó có 150m² đất ở, 135,6m² đất vườn nằm trong tổng diện tích 1572m² đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 12 năm 2000 cho hộ ông Trương Đình M thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc và phía Đông giáp đất nhà ông Tinh từ điểm 1 đến điểm 2, có cự ly 9,15m; từ điểm 2 đến điểm 3, có cự ly 7,91m; từ điểm 3 đến điểm 4, có cự ly 15,15m. Phía Nam giáp với diện tích đất giao cho anh Trương Đình M sử dụng từ điểm 4a đến 16, có cự ly 29,62m. Phía Tây tiếp giáp đường đi của thôn từ điểm 1 đến điểm 16 có cự ly là 13,93m. Chị Hoàng Khánh V được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản, cây cối hoa màu trên phần đất được giao.

+ Tạm giao diện tích 736.3m² đất nông nghiệp nằm trong tổng diện tích 1416.6m², xứ đồng Bà Mắm, thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất có cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông và phía Nam giáp đường Bê tông từ điểm 1 đến điểm 2, có cự ly 10,25m; từ điểm 2 đến điểm 3, có cự ly 11,68m; từ điểm 3 đến điểm 4, có cự ly 14,06m. Phía Bắc giáp ruộng nước và đất nhà ông Phong từ điểm 16 đến điểm 17, có cự ly 2,90m; từ điểm 17 đến điểm 18, có cự ly 4,09m; từ điểm 18 đến điểm 19, có cự ly 5,46m; từ điểm 19 đến điểm 20, có cự ly 3,59m; từ điểm 20 đến điểm 1 có cự ly 12,61m; từ điểm 14 đến 15, có cự ly 10,87m; từ điểm 15 đến điểm 16, có cự ly 2,29m. Phía Tây và phía Nam giáp diện tích đất giao cho anh Trương Đình M quản lý, sử dụng, có cự ly từ điểm 4 đến điểm 14, có cự ly 36,48m. Chị V có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật. Chị Hoàng Khánh V được quyền sở hữu toàn bộ các tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.

- Anh Trương Đình M quản lý, sử dụng các thửa đất sau:

+ Diện tích 2110m² đất trồng rừng sản xuất, thửa số 33, tờ bản đồ 02; địa chỉ thửa đất: Khoảnh 31, tiểu khu 99A, thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CH04817/Số: 909/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2011. Anh Trương Đình M được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.

+ Diện tích 1700m² đất trồng rừng sản xuất, thửa đất số 111, tờ bản đồ số 01; địa chỉ thửa đất: Khoảnh 18, tiểu khu 93, thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH04816/Số: 909/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2011. Anh Trương Đình M được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.

+ Diện tích 3512.7m², trong đó có 300m² đất thổ cư và 3212.7m² đất vườn; địa chỉ thửa đất: Thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: 04505, QĐ số: 891/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2014. Anh Trương Đình M được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.

+ Diện tích diện tích 1.607,9m² (trong đó có 250m² đất ở; 1.357,9m² đất vườn) nằm trong diện tích 1572m² đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11 tháng 12 năm 2000 cho hộ ông Trương Đình M thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trong đó có 321,2m² đất tăng so với giấy chứng nhận QSD đất (1572m²). Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp nhà ông Tình từ điểm 4a đến điểm 5, có cự ly 5,78m; từ điểm 5 đến điểm 6, có cự ly 11,76m; giáp phần diện tích đất giao cho chị Hoàng Khánh V quản lý, sử dụng từ điểm 4a đến điểm 16, có cự ly 29,62m; Phía Nam và phía Tây giáp tiếp đường đi của thôn từ điểm 8, 9, 10, 11, 12, 13, 15, 16, có tổng cự ly là 74,41m. Phía Đông, phía Nam giáp nhà văn hóa thôn từ điểm 7 đến điểm 8, có cự ly 45,91m. Anh Trương Đình M được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, hoa màu trên phần đất được giao quản lý, sử dụng.

+ Tạm giao diện tích 680.3m² đất nông nghiệp nằm trong tổng diện tích 1416.6m² ở xứ đồng Bà Mắm, thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Diện tích đất có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Đông giáp đường Bê tông từ điểm 4 đến điểm 5, có cự ly 15,62m. Phía Tây giáp nhà ông Phong từ điểm 10 đến điểm 11, có cự ly 4,24m; từ điểm 11 đến điểm 12, có cự ly 31,17m. Phía Bắc giáp nhà ông Phong từ điểm 8 đến điểm 9, có cự ly 3,72m; từ điểm 9 đến điểm 10, có cự ly 8,69m; từ điểm 12 đến điểm 13, có cự ly 7,63m; từ điểm 13 đến điểm 14, có cự ly 6,21m. Phía Tây giáp đất nhà ông Phong từ điểm 10 đến điểm 11, có cự ly 4,24m; từ điểm 11 đến điểm 12, có cự ly 31,17m. Anh M có quyền đến cơ quan có thẩm quyền đề nghị được cấp giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật. Anh Trương Đình M được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Anh Trương Đình M được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, hoa màu trên phần đất được giao quản lý, sử dụng.

+ Giao anh Trương Đình M được sở hữu toàn bộ tài sản, cây cối, hoa màu trên diện tích 2430m² đất trồng rừng sản xuất, thuộc thửa 32, tờ bản đồ 01; địa chỉ thửa đất: Khoảnh 16, tiểu khu 93, thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH04815/ Số: 909/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2011. Thời hạn anh M phải thu

hoạch toàn bộ cây bạch đàn và cây cối hoa màu khác trên đất và trả lại diện tích đất trên cho chị Hoàng Khánh V là ngày 30 tháng 12 năm 2022.

- Anh Trương Đình M trả chị Hoàng Khánh V 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) tiền trích chia tài sản.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

1.3. Về án phí: Các đương sự được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

(Kèm theo quyết định này là sơ đồ đo đạc các thửa đất)

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Huân